

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ : II - Năm học : 2022 - 2023

Môn học/Nhóm : GDQP – AN – Nhóm N 27
CBGD : Lê Văn Trung

Số tín chỉ : 05

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	ĐT	ĐHP	GHI CHÚ
1	2122190097	Nguyễn Thành An	08/11/2004	CCQ2219C									
2	2122190146	Nguyễn Thị Tường An	12/08/2004	CCQ2219D	7.5	8.0	8.0	10.0	8.0	8.3	7.0	7.5	
3	2122190138	Đào Thị Ngọc Ánh	01/03/2004	CCQ2219C	7.0	7.5	8.0	8.0	7.5	7.6	6.2	6.8	
4	2122190149	Lê Thị Diệu	10/04/2004	CCQ2219D	7.5	7.5	7.0	9.0	7.5	7.7	7.0	7.3	
5	2122190110	Hoàng Thị Thùy Dương	17/08/2004	CCQ2219D	7.5	7.5	7.0	5.0	7.5	6.9	8.6	7.9	
6	2121100108	Lê Thị Xuân Đào	06/01/2003	CCQ2110D	7.0	7.0	7.5	5.0	8.0	6.9	5.8	6.2	
7	2122190073	Nguyễn Trần Cẩm Điệp	07/03/2004	CCQ2219C	8.0	8.0	8.5	9.0	8.0	8.3	7.6	7.9	
8	2122190081	Vương Nguyên Giáp	07/03/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	9.2	7.5	7.5	6.0	6.6	
9	2122190124	Mai Thị Bích Hằng	24/08/2003	CCQ2219D	8.0	7.5	8.5	10.0	9.0	8.6	8.4	8.5	
10	2122190099	Lâm Thị Ngọc Hân	08/09/2002	CCQ2219C	8.0	8.0	7.5	5.0	8.0	7.3	6.0	6.5	
11	2122190102	Nguyễn Đình Hiệp	02/01/2004	CCQ2219D	7.0	7.5	8.0	7.6	7.5	7.5	5.6	6.4	
12	2122190070	Phạm Kim Hoàng	22/05/2004	CCQ2219C	7.0	7.5	7.0	8.3	8.0	7.6	7.0	7.2	
13	2122190140	Vì Thị Ánh Hồng	06/12/2004	CCQ2219D	7.5	7.5	7.0	5.0	7.5	6.9	7.0	7.0	
14	2122190092	Đặng Thị Ngọc Huyền	14/09/2004	CCQ2219C	7.0	7.5	7.0	8.0	7.5	7.4	5.4	6.2	
15	2122190158	Đỗ Thị Huyền	11/11/2004	CCQ2219D									
16	2122190107	Nguyễn Thị Huyền	12/11/2004	CCQ2219D	7.5	7.5	8.0	9.0	7.5	7.9	7.8	7.8	
17	2122190111	Phạm Thiên Hương	03/03/2004	CCQ2219D	7.0	7.5	7.6	7.0	7.5	7.3	6.6	6.9	
18	2122190082	Nguyễn Lương Trọng Hữu	20/10/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	7.6	7.5	7.2	7.0	7.1	
19	2122190080	Phan Gia Triều Khánh	21/04/2003	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	9.0	7.5	7.5	7.0	7.2	
20	2122190125	Nguyễn Thị Thiên Kim	16/08/2004	CCQ2219D	7.0	7.0	7.5	5.0	7.5	6.8	6.8	6.8	
21	2122190079	Nguyễn Trọng Kính	05/04/2004	CCQ2219C	8.0	8.0	8.0	9.6	8.0	8.3	7.0	7.5	
22	2122190144	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/12/2004	CCQ2219D	8.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.2	7.0	7.5	
23	2122190148	Nguyễn Đình Luyện	24/10/2000	CCQ2219D	7.0	7.5	7.0	9.6	7.5	7.7	5.6	6.4	

24	2122190162	Châu Nữ Yến	Ly	30/08/2004	CCQ2219D	7.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.7	6.8	6.8	
25	2122190126	Trịnh Thị Thanh	Nga	27/08/2004	CCQ2219D	7.0	7.0	7.0	8.3	7.5	7.4	7.2	7.3	
26	2122190077	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17/05/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	8.0	7.5	7.3	6.4	6.8	
27	2122190128	Nguyễn Phạm Thái	Nguyên	07/07/2004	CCQ2219D	7.0	7.0	6.0	6.0	7.5	6.7	6.8	6.8	
28	2122190139	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/01/2004	CCQ2219C	7.5	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	5.6	6.4	
29	2122190096	Trần Hải Bảo	Nguyên	10/07/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	6.5	5.0	7.5	6.6	5.2	5.8	
30	2122190104	Phạm Trọng	Nguyễn	30/11/2001	CCQ2219D									
31	2122190078	Nguyễn Trần Mỹ	Nhi	06/07/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	9.0	7.5	7.5	7.8	7.7	
32	2122190147	Trần Lê Yến	Nhi	28/10/2004	CCQ2219D	7.5	7.0	7.0	6.0	8.0	7.1	5.6	6.2	
33	2122190113	Trần Thị Uyên	Nhi	02/09/2004	CCQ2219D	7.5	7.5	7.0	9.0	8.0	7.8	6.4	7.0	
34	2122190075	Mai Thị Hồng	Nhung	07/07/2004	CCQ2219C	7.0	7.5	7.5	8.3	7.5	7.6	6.2	6.7	
35	2121100106	Phạm Thị Thảo	Ni	19/12/2003	CCQ2110D	8.0	8.0	8.0	8.3	8.0	8.1	6.0	6.8	
36	2122190142	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	26/06/2003	CCQ2219D									
37	2122190087	Nguyễn Tuấn	Phát	17/07/2001	CCQ2219C	7.0	7.0	7.5	9.0	7.5	7.6	6.4	6.9	
38	2122190071	Huỳnh Nguyễn Thu	Phương	25/05/2004	CCQ2219C	7.5	7.0	7.0	7.0	7.5	7.2	5.8	6.4	
39	2122190143	Hồ Hoàng	Quân	07/10/2003	CCQ2219D									
40	2122190106	Võ Thị Như	Quỳnh	06/05/2004	CCQ2219D	8.0	8.0	7.5	10.0	8.5	8.4	7.6	7.9	
41	2122190123	Ka	Riên	26/12/2003	CCQ2219D	7.0	7.5	7.0	9.6	7.5	7.7	6.4	6.9	
42	2122190083	Lê Thị Kiều	Sang	28/04/2004	CCQ2219C	8.0	8.0	7.5	8.3	7.5	7.9	7.8	7.8	
43	2122190098	Trương Văn	Tánh	31/08/2004	CCQ2219C	7.0	7.5	7.0	5.0	7.5	6.8	4.8	5.6	
44	2122190085	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/11/2004	CCQ2219C	7.5	7.5	7.0	7.0	7.5	7.3	6.2	6.6	
45	2122190161	Phạm Duy	Tân	12/01/2004	CCQ2219C	7.0	7.5	6.0	7.0	7.5	7.0	5.6	6.2	
46	2122190084	Nguyễn Phương	Thanh	26/09/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	7.5	8.3	7.5	7.5	8.2	7.9	
47	2122190157	Nguyễn Minh	Thiên	01/10/2003	CCQ2219D	7.5	7.0	7.0	5.0	7.5	6.8	7.0	6.9	
48	2122190101	Đặng Nguyễn Chí	Thiện	06/09/2002	CCQ2219C	7.5	7.5	7.0	7.6	7.5	7.4	7.4	7.4	
49	2122190089	Bùi Minh	Thuận	18/06/1999	CCQ2219C	7.5	7.0	7.5	9.0	7.5	7.7	6.4	6.9	
50	2122190141	Nguyễn Trịnh Phương	Thúy	11/04/2003	CCQ2219D	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	7.9	6.0	6.8	
51	2122190091	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	03/06/2004	CCQ2219C	7.5	7.5	7.5	9.3	8.0	8.0	6.8	7.3	
52	2122190121	Trần Thị Minh	Thư	16/05/2004	CCQ2219D	7.0	7.0	7.0	7.6	7.5	7.2	5.4	6.1	
53	2122190137	Lê Huỳnh Cẩm	Tiên	11/06/2004	CCQ2219C	7.5	7.0	7.5	5.0	7.5	6.9	5.2	5.9	
54	2122190108	Nguyễn Đức	Toàn	10/07/2004	CCQ2219D	8.0	8.0	8.5	9.0	8.5	8.4	6.4	7.2	
55	2122190072	Châu Nữ Thùy	Trang	14/02/2004	CCQ2219C	7.5	7.0	7.0	8.6	7.5	7.5	7.6	7.6	
56	2122190151	Trần Thị Huyền	Trang	15/02/2004	CCQ2219D	7.0	7.0	6.5	5.0	7.5	6.6	7.0	6.8	
57	2122190069	Huỳnh Ngọc	Trâm	03/07/2004	CCQ2219C	7.5	7.0	7.0	6.0	7.5	7.0	7.6	7.4	
58	2121100122	Nguyễn Thị Thu	Trâm	29/12/2003	CCQ2110D	7.5	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	7.0	7.2	
59	2122190093	Phạm Thị Ngọc	Trâm	24/11/2004	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5	7.1	7.2	7.2	
60	2122190088	Nguyễn Thị Phương	Trình	20/11/2004	CCQ2219C	7.5	7.5	7.0	8.3	7.5	7.6	7.8	7.7	
61	2122190095	Trần Kiều	Trình	21/12/2002	CCQ2219C	7.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.7	5.8	6.2	
62	2122190094	Nguyễn Hữu	Trọng	21/12/2004	CCQ2219C	7.5	7.5	7.0	5.0	7.5	6.9	7.2	7.1	
63	2122190119	Trịnh Hoài Nhã	Trúc	03/02/2004	CCQ2219D	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	7.9	7.8	7.8	

64	2122190153	Nguyễn Thanh	Uyên	31/10/2004	CCQ2219C									
65	2122190116	Thái Văn	Vương	26/07/2003	CCQ2219D									
66	2122190120	Đỗ Thị Ngọc	Yến	07/02/2004	CCQ2219D	7.5	7.5	7.0	7.3	8.0	7.5	6.0	6.6	
67	2122190074	Hồ Thị Kim	Yến	04/02/2004	CCQ2219C	7.5	7.5	7.0	6.0	7.5	7.1	6.2	6.6	

Ngày 22 tháng 5 năm 2023

Giảng viên



Lê Văn Trung

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN – Nhóm N32

Số tín chỉ: 05

CBGD : Lê Văn Trung

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	ĐQT	ĐT	ĐHP	GHI CHÚ
1	2122190097	Nguyễn Thành An	08/11/2004	CCQ2219C				
2	2122190146	Nguyễn Thị Tường An	12/08/2004	CCQ2219D	8.3	7.0	7.5	
3	2122190138	Đào Thị Ngọc Ánh	01/03/2004	CCQ2219C	7.6	6.2	6.8	
4	2122190149	Lê Thị Diệu	10/04/2004	CCQ2219D	7.7	7.0	7.3	
5	2122190110	Hoàng Thị Thùy Dương	17/08/2004	CCQ2219D	6.9	8.6	7.9	
6	2121100108	Lê Thị Xuân Đào	06/01/2003	CCQ2110D	6.9	5.8	6.2	
7	2122190073	Nguyễn Trần Cẩm Diệp	07/03/2004	CCQ2219C	8.3	7.6	7.9	
8	2122190081	Vương Nguyên Giáp	07/03/2004	CCQ2219C	7.5	6.0	6.6	
9	2122190124	Mai Thị Bích Hằng	24/08/2003	CCQ2219D	8.6	8.4	8.5	
10	2122190099	Lâm Thị Ngọc Hân	08/09/2002	CCQ2219C	7.3	6.0	6.5	
11	2122190102	Nguyễn Đình Hiệp	02/01/2004	CCQ2219D	7.5	5.6	6.4	
12	2122190070	Phạm Kim Hoàng	22/05/2004	CCQ2219C	7.6	7.0	7.2	
13	2122190140	Vì Thị Ánh Hồng	06/12/2004	CCQ2219D	6.9	7.0	7.0	
14	2122190092	Đặng Thị Ngọc Huyền	14/09/2004	CCQ2219C	7.4	5.4	6.2	
15	2122190158	Đỗ Thị Huyền	11/11/2004	CCQ2219D				
16	2122190107	Nguyễn Thị Huyền	12/11/2004	CCQ2219D	7.9	7.8	7.8	
17	2122190111	Phạm Thiên Hương	03/03/2004	CCQ2219D	7.3	6.6	6.9	
18	2122190082	Nguyễn Lương Trọng Hữu	20/10/2004	CCQ2219C	7.2	7.0	7.1	
19	2122190080	Phan Gia Triều Khánh	21/04/2003	CCQ2219C	7.5	7.0	7.2	
20	2122190125	Nguyễn Thị Thiên Kim	16/08/2004	CCQ2219D	6.8	6.8	6.8	
21	2122190079	Nguyễn Trọng Kính	05/04/2004	CCQ2219C	8.3	7.0	7.5	
22	2122190144	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/12/2004	CCQ2219D	8.2	7.0	7.5	
23	2122190148	Nguyễn Đình Luyến	24/10/2000	CCQ2219D	7.7	5.6	6.4	
24	2122190162	Châu Nữ Yến Ly	30/08/2004	CCQ2219D	6.7	6.8	6.8	
25	2122190126	Trịnh Thị Thanh Nga	27/08/2004	CCQ2219D	7.4	7.2	7.3	

26	2122190077	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	17/05/2004	CCQ2219C	7.3	6.4	6.8	
27	2122190128	Nguyễn Phạm Thái	Nguyên	07/07/2004	CCQ2219D	6.7	6.8	6.8	
28	2122190139	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/01/2004	CCQ2219C	7.5	5.6	6.4	
29	2122190096	Trần Hải Bảo	Nguyên	10/07/2004	CCQ2219C	6.6	5.2	5.8	
30	2122190104	Phạm Trọng	Nguyễn	30/11/2001	CCQ2219D				
31	2122190078	Nguyễn Trần Mỹ	Nhi	06/07/2004	CCQ2219C	7.5	7.8	7.7	
32	2122190147	Trần Lê Yên	Nhi	28/10/2004	CCQ2219D	7.1	5.6	6.2	
33	2122190113	Trần Thị Uyên	Nhi	02/09/2004	CCQ2219D	7.8	6.4	7.0	
34	2122190075	Mai Thị Hồng	Nhung	07/07/2004	CCQ2219C	7.6	6.2	6.7	
35	2121100106	Phạm Thị Thảo	Ni	19/12/2003	CCQ2110D	8.1	6.0	6.8	
36	2122190142	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	26/06/2003	CCQ2219D				
37	2122190087	Nguyễn Tuấn	Phát	17/07/2001	CCQ2219C	7.6	6.4	6.9	
38	2122190071	Huỳnh Nguyễn Thu	Phuong	25/05/2004	CCQ2219C	7.2	5.8	6.4	
39	2122190143	Hồ Hoàng	Quân	07/10/2003	CCQ2219D				
40	2122190106	Võ Thị Như	Quỳnh	06/05/2004	CCQ2219D	8.4	7.6	7.9	
41	2122190123	Ka	Riên	26/12/2003	CCQ2219D	7.7	6.4	6.9	
42	2122190083	Lê Thị Kiều	Sang	28/04/2004	CCQ2219C	7.9	7.8	7.8	
43	2122190098	Trương Văn	Tánh	31/08/2004	CCQ2219C	6.8	4.8	5.6	
44	2122190085	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/11/2004	CCQ2219C	7.3	6.2	6.6	
45	2122190161	Phạm Duy	Tân	12/01/2004	CCQ2219C	7.0	5.6	6.2	
46	2122190084	Nguyễn Phương	Thanh	26/09/2004	CCQ2219C	7.5	8.2	7.9	
47	2122190157	Nguyễn Minh	Thiên	01/10/2003	CCQ2219D	6.8	7.0	6.9	
48	2122190101	Đặng Nguyễn Chí	Thiện	06/09/2002	CCQ2219C	7.4	7.4	7.4	
49	2122190089	Bùi Minh	Thuận	18/06/1999	CCQ2219C	7.7	6.4	6.9	
50	2122190141	Nguyễn Trịnh Phương	Thúy	11/04/2003	CCQ2219D	7.9	6.0	6.8	
51	2122190091	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	03/06/2004	CCQ2219C	8.0	6.8	7.3	
52	2122190121	Trần Thị Minh	Thư	16/05/2004	CCQ2219D	7.2	5.4	6.1	
53	2122190137	Lê Huỳnh Cẩm	Tiên	11/06/2004	CCQ2219C	6.9	5.2	5.9	
54	2122190108	Nguyễn Đức	Toàn	10/07/2004	CCQ2219D	8.4	6.4	7.2	
55	2122190072	Châu Nữ Thùy	Trang	14/02/2004	CCQ2219C	7.5	7.6	7.6	
56	2122190151	Trần Thị Huyền	Trang	15/02/2004	CCQ2219D	6.6	7.0	6.8	
57	2122190069	Huỳnh Ngọc	Trâm	03/07/2004	CCQ2219C	7.0	7.6	7.4	
58	2121100122	Nguyễn Thị Thu	Trâm	29/12/2003	CCQ2110D	7.5	7.0	7.2	
59	2122190093	Phạm Thị Ngọc	Trâm	24/11/2004	CCQ2219C	7.1	7.2	7.2	
60	2122190088	Nguyễn Thị Phương	Trinh	20/11/2004	CCQ2219C	7.6	7.8	7.7	
61	2122190095	Trần Kiều	Trinh	21/12/2002	CCQ2219C	6.7	5.8	6.2	
62	2122190094	Nguyễn Hữu	Trọng	21/12/2004	CCQ2219C	6.9	7.2	7.1	
63	2122190119	Trịnh Hoài Nhã	Trúc	03/02/2004	CCQ2219D	7.9	7.8	7.8	
64	2122190153	Nguyễn Thanh	Uyên	31/10/2004	CCQ2219C				
65	2122190116	Thái Văn	Vương	26/07/2003	CCQ2219D				

66	2122190120	Đỗ Thị Ngọc	Yên	07/02/2004	CCQ2219D	7.5	6.0	6.6	
67	2122190074	Hồ Thị Kim	Yên	04/02/2004	CCQ2219C	7.1	6.2	6.6	

Ngày 22 tháng 5 năm 2023
Giảng viên



Lê Văn Trung